

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN N
THÀNH PHỐ Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số : 247 /2023/ HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 4 năm 2023

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN N. THÀNH PHỐ Q**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Sỹ Long

2. Bà Nguyễn Thị Thụy

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng -Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận N tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Mai Phương-Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 04 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận N, thành phố Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Kiều O**, sinh năm 1990; Nơi đăng ký HKTT: Số 101 ngõ 84 Ngọc Khánh, phường G, quận N, thành phố Q; Nơi ở: Số 21, phường C, quận T, thành phố Q; Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng A**; sinh năm 1989; Nơi đăng ký HKTT: Số 101 ngõ 84 N, phường G, quận N, thành phố Q; Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Hoàng A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35. Sau khi kết hôn, vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 101 ngõ 84 Ngọc Khánh, phường G, quận N, thành phố Q. Vợ chồng chung sống đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống về kinh tế, không tin tưởng nhau. anh A có

vay tiền bố mẹ chị O và bạn bè, họ hàng, đồng nghiệp của chị O để đầu tư tiền điện tử, chứng khoán từ khoảng năm 2020 nhưng anh A thua lỗ đến bây giờ vẫn không trả tiền cho họ. Vợ chồng chị O anh A đã xảy ra tranh cãi nhiều về vấn đề này. Chị O đã khuyên bảo anh A nhiều lần nhưng anh A không tu chí làm ăn, vẫn tiếp tục lao vào đầu tư như cũ. Khoảng năm 2021 anh A có quan hệ ngoại tình với người khác khi chị O mang bầu. Theo như chị O biết anh A đã quan hệ ngoại tình với hai người. Việc anh A ngoại tình khi bị chị O phát hiện thì anh A đã thừa nhận và hứa sửa đổi nhưng tình hình vẫn không cải thiện. Ngoài ra, anh A không quan tâm đến gia đình, vợ con, thường xuyên đi sớm về muộn. Từ năm 2021 chị O tự lo về vấn đề kinh tế gia đình, chăm lo cho con, không nhận được bất cứ sự hỗ trợ nào từ phía anh A. Chị O anh A đã ly thân từ khoảng tháng 12/2021 đến nay. Khoảng tháng 4/2022 anh A đã trốn nợ. Chị O không có thông tin về địa chỉ của anh A, chị O không liên hệ với anh A từ khoảng tháng 4/2022 cho đến nay. Chị O xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án nhân dân quận N giải quyết ly hôn cho chị O và anh A.

- Về con chung: Chị O xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Trần Uy, sinh ngày 13/7/2021. Chị O có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh A đóng góp tiền nuôi con.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị O xác nhận vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Sau khi ly hôn chị tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Chị O xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ nên không cần Tòa án giải quyết.

- Về án phí ly hôn: Chị O tự nguyện chịu cả án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Trần Thị Kiều O vẫn giữ nguyên yêu cầu như đã trình bày.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh A theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên anh A không đến Tòa án nên không có lời khai của anh A về việc giải quyết vụ án. Anh A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:***

Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý và giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân quận N là đúng thẩm quyền. Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, những người tham gia tố tụng đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng

dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích vụ án, đại diện Viện kiểm sát căn cứ quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kiều O đối với chị Nguyễn Hoàng A.

- Về con chung: Giao cả con chung là Nguyễn Trần U, sinh ngày 13/7/2021 cho chị O trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đối với anh A.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị O không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng dân sự: Bị đơn anh Nguyễn Hoàng A có đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú cuối cùng tại quận N, thành phố Q. Nguyên đơn chị Trần Thị Kiều O nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Hoàng A tại Tòa án nhân dân quận N. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận N thụ lý, giải quyết, xét xử là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho anh A. Anh A đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh A.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại địa phương và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Hoàng A kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 09 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân phường G, quận N, thành phố Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, hiện chị O cùng con đã chuyển đi nơi khác ở. Anh A và chị O đã sống ly thân từ tháng 12/2021, không cùng xây dựng cuộc sống, không quan tâm, không chăm sóc, không có sự yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh A đến Tòa để thực

hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự và tham gia hòa giải theo quy định của pháp luật nhưng anh A đều vắng mặt. Tòa án cũng đã áp dụng thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với anh A nhưng không nhận được ý kiến phản hồi của anh A. Xét thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, với điều kiện, hoàn cảnh như hiện nay thì anh chị không có cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Nhận định của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận N phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kiều O. Anh Nguyễn Hoàng A không đến Tòa án thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình, không đưa ra ý kiến, quan điểm gì nên không có căn cứ để xem xét.

[2.2] Về con chung: Theo tài liệu có trong hồ sơ thể hiện anh A và chị O có 01 con chung là Nguyễn Trần U, sinh ngày 13/7/2021. Cháu U dưới 36 tháng tuổi, hiện đang do chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị O. Do anh A vắng mặt và chị O không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với anh A.

[2.3] Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo:

Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận N đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử :

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị Kiều O.

Chị Trần Thị Kiều O được ly hôn anh Nguyễn Hoàng A.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Kiều O và anh Nguyễn Hoàng A 01 con chung là Nguyễn Trần U, sinh ngày 13/7/2021. Giao con chung cho chị O trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc thực hiện cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh A cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Nguyễn Hoàng A có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. **Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung:** Chị O xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Trần Thị Kiều O phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị O đã nộp án phí theo biên lai thu tiền số 0002915 ngày 17/01/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự quận N, thành phố Q.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND quận N;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận N;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thúy Hạnh